Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-02-12 15:49:33 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2020/TT-BTC

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14 và Luật số 07/2022/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm

phạm quyền sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2020/TT-BTC.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 13/2020/TT-BTC

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BTC như sau:

"Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hàng giả bao gồm các loại hàng hóa theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan là việc cơ quan hải quan áp dụng các biện pháp do cơ quan hải quan thực hiện trong quá trình làm thủ tục kiểm tra, giám sát, kiểm soát, tạm dừng thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 216 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 80 Điều 1 Luật số 07/2022/QH15; Điều 73 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 2 Luật số 07/2022/QH15, Điều 74, Điều 75, Điều 76 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để phát hiện, đấu tranh và xử lý các hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

3. Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là biện pháp do cơ quan hải quan thực hiện theo yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ nhằm thu thập thông tin, chứng cứ về lô hàng để chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền và yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc các biện pháp ngăn chặn, bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính; hoặc biện pháp do cơ quan hải quan chủ động thực hiện nếu trong quá trình kiểm tra, giám sát và kiểm soát phát hiện căn cứ rõ ràng để nghi ngờ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ.

4. Kiểm tra hải quan về hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là việc kiểm tra hồ sơ hải quan, các chứng từ liên quan và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải do cơ quan hải quan thực hiện nhằm phát hiện hàng hóa có nghi ngờ là hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

5. Giám sát hải quan về hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là biện pháp nghiệp vụ do cơ quan hải quan áp dụng để đảm bảo sự nguyên trạng của hàng hóa, sự tuân thủ quy định của pháp luật trong việc bảo quản, lưu giữ, xếp dỡ, vận chuyển, sử dụng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ đang thuộc đối tượng quản lý hải quan.

6. Kiểm soát hải quan đối với hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là việc áp dụng các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan và các biện pháp nghiệp vụ khác do cơ quan hải quan thực hiện theo quy định của pháp luật để phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa là hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong địa bàn hoạt động hải quan.

7. Đơn đề nghị bao gồm: Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ; Đơn đề nghị cập nhật, bổ sung thông tin về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ; Đơn đề nghị gia hạn kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ; Đơn đề nghị chấm dứt đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ và Đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan.

8. Người nộp Đơn đề nghị là chủ thể quyền sở hữu trí tuệ (bao gồm chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ và tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ) hoặc người được chủ thể quyền sở hữu trí tuệ ủy quyền hợp pháp.

9. Hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là các hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vi phạm quy định tại Điều 28, Điều 35 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8, khoản 10 Điều 1 Luật số 07/2022/QH15, Điều 126, Điều 127, Điều 129 và Điều 188 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11.

10. Hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ là hàng hóa được quy định tại Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 79 Điều 1 Luật số 07/2022/QH15.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BTC như sau:

“Điều 6. Nộp hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ

1. Hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ gồm:

a) Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ theo các chỉ tiêu thông tin hoặc 01 bản chính theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này.

b) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc tài liệu khác chứng minh quyền sở hữu công nghiệp đang được bảo hộ tại Việt Nam hoặc giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận quyền liên quan, Giấy chứng nhận quyền đối với giống cây trồng hoặc tài liệu khác chứng minh quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền đối với giống cây trồng, bao gồm cả giấy chứng nhận được cấp từ nước ngoài phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: 01 bản chụp;

Trường hợp văn bằng bảo hộ, giấy chứng nhận nếu được cơ quan có thẩm quyền cấp dưới dạng điện tử trên trang thông tin điện tử theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền, người nộp Đơn đề nghị không phải nộp nhưng khai đầy đủ thông tin văn bằng bảo hộ, giấy chứng nhận trên Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát kèm trang thông tin điện tử để cơ quan hải quan kiểm tra, đối chiếu.

c) Ảnh chụp thực tế hàng hóa đề nghị bảo vệ về quyền sở hữu trí tuệ; ảnh chụp, mô tả chi tiết hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, các đặc điểm phân biệt hàng thật với hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (nếu có).

d) Danh sách tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hợp pháp hàng hóa có yêu cầu kiểm tra, giám sát; danh sách tổ chức, cá nhân có khả năng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

đ) Văn bản ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền nộp đơn): 01 bản chụp;

2. Người nộp Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ nộp hồ sơ đến Cục Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng, người nộp Đơn đề nghị nộp 01 bộ hồ sơ giấy gồm các chứng từ quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp tại bộ phận một cửa Cục Hải quan hoặc gửi qua bưu điện đến Cục Hải quan.

Người nộp Đơn đề nghị chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp và hợp lệ của các nội dung khai và nộp trong hồ sơ đề nghị.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BTC như sau:

"Điều 7. Kiểm tra và xử lý hồ sơ đề nghị

1. Cục Hải quan kiểm tra tính đầy đủ bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Cục Hải quan thông báo cho người nộp Đơn đề nghị để nộp bổ sung.

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì thực hiện kiểm tra các nội dung sau:

b.1) Tư cách pháp lý của người nộp Đơn đề nghị theo quy định của pháp luật;

b.2) Sự phù hợp giữa nội dung Đơn với các tài liệu gửi kèm;

b.3) Thông tin, thời hạn hiệu lực của văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ;

b.4) Ảnh chụp, mô tả, thông tin về hàng hóa phù hợp với nội dung quyền sở hữu trí tuệ có liên quan đến hoặc nội dung tố cáo hành vi vi phạm;

b.5) Nội dung ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật, thời hạn hiệu lực của Giấy ủy quyền (nếu có).

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ bộ hồ sơ đề nghị, Cục Hải quan kiểm tra các nội dung tại điểm b khoản 1 Điều này, đối chiếu các thông tin của Đơn đề nghị với cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ và xử lý như sau:

a) Trường hợp không chấp nhận thì thông báo cho người nộp Đơn đề nghị và nêu rõ lí do;

b) Trường hợp chấp nhận thì thông báo cho người nộp Đơn và các Chi cục Hải quan khu vực, Chi cục Điều tra Chống buôn lậu để thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

3. Việc thông báo được thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng, Cục Hải quan thông báo bằng văn bản cho người nộp Đơn đề nghị và các đơn vị liên quan.

4. Các trường hợp từ chối tiếp nhận đơn:

a) Người nộp Đơn đề nghị không đủ tư cách pháp lý theo quy định của pháp luật;

b) Nội dung Đơn đề nghị và tài liệu gửi kèm không phù hợp, thống nhất;

c) Nội dung ủy quyền không phù hợp hoặc thời hạn ủy quyền đã hết;

d) Trong thời gian xử lý Đơn đề nghị, Cục Hải quan nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền thông báo về việc tranh chấp, khiếu nại về chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp, khả năng bảo hộ, phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

đ) Hồ sơ nộp bổ sung quá thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Cục Hải quan gửi thông báo nộp bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Cập nhật, bổ sung thông tin về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

a) Trường hợp có thay đổi, bổ sung về những thông tin đã được cơ quan hải quan chấp nhận kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, người nộp Đơn đề nghị gửi hồ sơ đề nghị cập nhật, bổ sung theo chỉ tiêu thông tin hoặc theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này đến Cục Hải quan theo phương thức quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này; trong đơn nêu rõ số, ngày văn bản thông báo chấp nhận kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan; các thông tin cập nhật, bổ sung và kèm tài liệu liên quan.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cập nhật, bổ sung Cục Hải quan kiểm tra, xử lý theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

4. Bổ sung Điều 10a sau Điều 10 như sau:

"Điều 10a. Trình tự, thủ tục chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan

1. Trong quá trình thực hiện các biện pháp kiểm tra, giám sát và kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ; qua phân tích cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ; trên cơ sở thông tin cung cấp từ các đơn vị nghiệp vụ hải quan, nếu có căn cứ rõ ràng nghi ngờ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu, hàng hoá giả mạo chỉ dẫn địa lý, hàng hóa sao chép lậu thì Đội trưởng Hải quan nơi đăng ký tờ khai ra Quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan theo mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hải quan nơi đăng ký tờ khai thông báo cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan hoặc người ủy quyền hợp pháp trong vòng 08 giờ làm việc kể từ khi ban hành Quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan theo thông tin liên hệ trong hồ sơ chấp nhận và tổ chức, cá nhân có liên quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng, Hải quan nơi đăng ký tờ khai thông báo bằng văn bản cho các bên có liên quan.

3. Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá giả mạo nhãn hiệu, hàng hoá giả mạo chỉ dẫn địa lý thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 103 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 03 năm 2023 và đối với hàng hóa sao chép lậu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 89 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2023.

4. Ngay sau khi ban hành Quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan, hải quan nơi đăng ký tờ khai thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa để xác định vi phạm và xử lý như sau:

a) Trường hợp không có vi phạm thì tiếp tục làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

b) Trường hợp cơ quan hải quan xác định hàng hoá bị tạm dừng là hàng hoá giả mạo nhãn hiệu, hàng hoá giả mạo chỉ dẫn địa lý, hàng hóa sao chép lậu thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xác định hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Bộ luật Hình sự, cơ quan hải quan chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền để tiến hành điều tra, khởi tố theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp chưa đủ cơ sở xác định hành vi vi phạm thì Hải quan nơi đăng ký tờ khai tiến hành các công việc sau:

c.1) Gửi hình ảnh đầy đủ về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan hoặc người ủy quyền hợp pháp (nếu có thông tin liên hệ);

c.2) Yêu cầu người nhập khẩu hoặc người xuất khẩu hoặc chủ thể quyền đối với nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý; chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan hoặc người ủy quyền hợp pháp (nếu có thông tin liên hệ) cung cấp tài liệu có liên quan

đến hàng hóa (catalog, kết luận giám định, tài liệu từ nước ngoài, kết quả xử lý các vụ việc tương tự...);

c.3) Đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan lấy mẫu để giám định theo quy định tại Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 26 Điều 1 Luật số 36/2009/QH12, khoản 78 Điều 1 Luật số 07/2022/QH15. Thủ tục lấy mẫu, kỹ thuật lấy mẫu, nơi lưu mẫu, thời gian lưu mẫu của hàng hóa thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính (nếu cần thiết);

c.4) Trường hợp phải phối hợp, trao đổi với các cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp, quyền tác giả, quyền liên quan khi có phát sinh tranh chấp, khiếu nại về chủ thể quyền; khả năng bảo hộ; phạm vi bảo hộ quyền sở hữu đối với nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý hoặc quyền tác giả, quyền liên quan; thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm thì căn cứ văn bản trả lời của các cơ quan quản lý nhà nước để xử lý theo quy định.

d) Trường hợp người nộp đơn khởi kiện dân sự, cơ quan hải quan thực hiện theo ý kiến của Tòa án;

đ) Báo cáo Chi cục Hải quan khu vực phụ trách trực tiếp và Cục Hải quan để chỉ đạo giải quyết kịp thời đối với những vụ việc vượt thẩm quyền.

5. Trường hợp chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan không đúng, gây thiệt hại cho chủ hàng, cơ quan hải quan ra quyết định tạm dừng trong thời hạn 10 ngày làm việc phải bồi thường thiệt hại cho chủ hàng và thanh toán các chi phí phát sinh bao gồm phí lưu kho, bãi, xếp dỡ, bảo quản hàng hóa theo quy định.

6. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định áp dụng biện pháp hành chính để xử lý đối với hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và hàng hóa sao chép lậu theo quy định tại khoản 1 Điều 216 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, cơ quan hải quan nơi ban hành Quyết định xử lý vi phạm có văn bản thông báo cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp các thông tin sau: tên và địa chỉ của người gửi hàng; nhà xuất khẩu, người nhận hàng hoặc nhà nhập khẩu; bản mô tả hàng hóa; số lượng hàng hóa; nước xuất xứ của hàng hóa nếu biết.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Tiếp tục làm thủ tục hải quan

1. Đội trưởng Hải quan nơi đăng ký tờ khai ban hành quyết định tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành theo Thông tư này trong các trường hợp sau:

a) Theo quy định tại khoản 4 Điều 76 Luật Hải quan số 54/2014/QH13;

b) Kết quả kiểm tra của cơ quan hải quan xác định không có vi phạm;

c) Quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan bị hủy bỏ theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan cho lô hàng bị tạm dừng theo yêu cầu của người nộp đơn, Hải quan nơi đăng ký tờ khai có trách nhiệm:

a) Thông báo cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp thực hiện thanh toán cho chủ hàng các chi phí phát sinh theo quy định tại khoản 5 Điều 76 Luật Hải quan số 54/2014/QH13.

b) Hoàn trả cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp khoản tiền bảo đảm theo quy định tại khoản 6 Điều 76 Luật Hải quan số 54/2014/QH13."

6. Bổ sung Điều 14a vào sau Điều 14 như sau:

"Điều 14a. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ giao dịch qua thương mại điện tử

1. Việc kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ giao dịch qua thương mại điện tử được thực hiện trên cơ sở nguyên tắc quản lý rủi ro.

Trường hợp Hải quan nơi đăng ký tờ khai có căn cứ rõ ràng về hàng giả mạo quyền sở hữu trí tuệ thì thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 10a Thông tư này.

2. Việc xử lý đối với hàng hóa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử có dấu hiệu về hàng giả hoặc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Thông tư này."

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số từ, cụm từ, mẫu

1. Thay thế cụm từ "hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ" bằng cụm từ "hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ" tại Điều 1, khoản 4 Điều 4, tên Chương II Thông tư số 13/2015/TT-BTC, khoản 7, khoản 9 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BTC.

2. Thay thế cụm từ "Tổng cục Hải quan" bằng cụm từ "Cục Hải quan" tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 1 Điều 17 Thông tư số 13/2015/TT-BTC, khoản 6, khoản 9, khoản 10 Điều 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư số 13/2020/TT-BTC.

3. Thay thế cụm từ "Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý về hải quan)" bằng cụm từ "Cục Hải quan" tại khoản 3, khoản 4 Điều 7 Thông tư số 13/2015/TT-BTC khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 9, khoản 10 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BTC.

4. Thay thế cụm từ "Cục Hải quan tỉnh, thành phố" bằng cụm từ "Chi cục Hải quan khu vực" tại điểm e khoản 3 Điều 10 Thông tư số 13/2015/TT-BTC.

5. Thay thế cụm từ "Cục Hải quan các tỉnh, thành phố" bằng cụm từ "Chi cục Hải quan khu vực" tại khoản 6, khoản 10 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BTC.

6. Thay thế cụm từ "Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Cục Hải quan tỉnh, thành phố)" bằng cụm từ "Chi cục Hải quan khu vực" tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BTC.

7. Thay thế cụm từ "Chi cục trưởng Chi cục Hải quan" bằng cụm từ "Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu" tại khoản 1, khoản 5 Điều 10 Thông tư số 13/2015/TT-BTC, khoản 9, khoản 11 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BTC.

8. Thay thế cụm từ "Chi cục Hải quan nơi quyết định tạm dừng" bằng cụm từ "Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu nơi quyết định tạm dừng" tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 13/2015/TT-BTC.

9. Thay thế cụm từ "Chi cục Hải quan" bằng cụm từ "Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu nơi đăng ký tờ khai" tại điểm a khoản 5 Điều 10, điểm b khoản 8 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BTC.

10. Thay thế cụm từ "Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan" bằng cụm từ "Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu nơi làm thủ tục hải quan" tại khoản 7, khoản 13 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BTC.

11. Thay thế cụm từ "Chi cục Hải quan nơi quyết định tạm dừng" bằng cụm từ "Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu nơi quyết định tạm dừng" tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BTC.

12. Thay thế cụm từ "Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hoặc nơi lưu giữ hàng hóa" bằng cụm từ "Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu nơi đăng ký tờ khai hoặc nơi lưu giữ hàng hóa" tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BTC.

13. Thay thế cụm từ "Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan/Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa" bằng cụm từ "Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu nơi làm thủ tục hải quan hoặc nơi lưu giữ hàng hóa" tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BTC.

14. Thay thế cụm từ "Cục Điều tra chống buôn lậu" bằng cụm từ "Chi cục Điều tra chống buôn lậu" tại khoản 6, khoản 9 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BTC.

15. Bổ sung Phụ lục I, các Mẫu số 07, 08, 09, 10 và 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

16. Thay thế các Mẫu số 01-ĐĐN/SHTT/2020, Mẫu số 02-ĐTD/SHTT/2020, Mẫu số 03-QĐTD/SHTT/2020, Mẫu số 04-GHTD/SHTT/2020, 05-TT/SHTT/2020 và Mẫu số 06-TBTD/SHTT/2020 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BTC bằng các Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04, Mẫu số 05 và Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2026.

2. Đối với các hồ sơ cơ quan Hải quan nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì áp dụng theo các quy định tại Thông tư số 13/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2020/TT-BTC.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

Phụ lục I

CHỈ TIÊU THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN KIỂM TRA, GIÁM SÁT, TẠM DỪNG LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(Kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Danh sách các chứng từ khai báo

Mẫu số	Tên chứng từ
01	Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ
02	Đơn đề nghị thay đổi/bổ sung hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ
03	Đơn đề nghị gia hạn kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ
04	Đơn đề nghị chấm dứt đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ
05	Đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan
06	Đơn đề nghị gia hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan

2. Chỉ tiêu thông tin

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
Mẫu số 01	**Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ**	
1.1	Người nộp đơn	- Tên: - Căn cước công dân/căn cước/hộ chiếu (nếu là cá nhân) - Địa chỉ: - Điện thoại: - Fax: - E-mail/Website:
1.2	Chủ sở hữu quyền	- Tên: - Căn cước công dân/căn cước/hộ chiếu (nếu là cá nhân) - Địa chỉ: - Điện thoại: - Fax: - E-mail/Website:
1.3	Quyền sở hữu trí tuệ có yêu cầu bảo vệ	Ghi rõ là: quyền tác giả/quyền liên quan đến quyền tác giả/nhãn hiệu/chỉ dẫn địa lý...: - Tên văn bằng bảo hộ/Giấy chứng nhận - Số:

		- Ngày cấp văn bằng bảo hộ/Giấy chứng nhận - Cơ quan cấp văn bằng bảo hộ/Giấy chứng nhận - Thời hạn có hiệu lực của văn bằng bảo hộ/Giấy chứng nhận
1.4	Phạm vi yêu cầu bảo vệ	Ghi rõ là trong phạm vi toàn quốc hay tại đơn vị Hải quan cụ thể
1.5	Danh mục hàng hóa có yêu cầu bảo vệ	Người nộp đơn tự xác định và cung cấp để hỗ trợ cho cơ quan hải quan trong quá trình phối hợp - Tên hàng - Mã HS (8 số)
1.6	Tài liệu gửi kèm	Scan và đánh dấu x vào loại giấy tờ nộp kèm □ Văn bằng bảo hộ/Giấy chứng nhận □ Mô tả chi tiết hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ □ Ảnh chụp □ Các đặc điểm phân biệt hàng thật với hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ □ Danh sách tổ chức hoặc cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hợp pháp hàng hóa □ Danh sách tổ chức hoặc cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu có khả năng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ □ Văn bản ủy quyền
1.7	Số chứng từ nộp phí	
Mẫu số 02	**Đơn đề nghị thay đổi/bổ sung hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ**	
2.1	Người nộp đơn	- Tên: - Căn cước công dân/căn cước/hộ chiếu (nếu là cá nhân) - Địa chỉ: - Điện thoại: - Fax: - E-mail/Website:
2.2	Tài liệu gửi kèm	Scan và đánh dấu x vào loại giấy tờ nộp kèm đề nghị thay đổi/bổ sung □ Thông tin Đơn đề nghị □ Văn bằng bảo hộ/Giấy chứng nhận □ Mô tả chi tiết hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ □ Ảnh chụp □ Các đặc điểm phân biệt hàng thật với hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

		□ Danh sách tổ chức hoặc cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hợp pháp hàng hóa □ Danh sách tổ chức hoặc cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu có khả năng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ □ Văn bản ủy quyền
Mẫu số 03	**Đơn đề nghị gia hạn kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo về quyền sở hữu trí tuệ**	
3.1	Người nộp đơn	- Tên: - Căn cước công dân/căn cước/hộ chiếu (nếu là cá nhân) - Địa chỉ: - Điện thoại: - Fax: - E-mail/Website:
3.2	Số văn bản (số/ngày) của (cơ quan Hải quan) về việc chấp nhận bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	
3.3	Số chứng từ nộp phí	
3.4	Văn bằng cập nhật (nếu có)	
Mẫu số 04	**Đơn đề nghị chấm dứt đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ**	
4.1	Người nộp đơn	- Tên: - Căn cước công dân/căn cước/hộ chiếu (nếu là cá nhân) - Địa chỉ: - Điện thoại: - Fax: - E-mail/Website:
4.2	Số văn bản (số/ngày) của (cơ quan hải quan) về việc chấp nhận bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	
Mẫu số 05	**Đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan**	
5.1	Người nộp đơn	- Tên: - Căn cước công dân/căn cước/hộ chiếu (nếu là cá nhân) - Địa chỉ:

		- Điện thoại: - Fax: - E-mail/Website:
5.2	Số văn bản (số/ngày) của (cơ quan hải quan) về việc chấp nhận bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (nếu có)	
5.3	Chứng thư bảo lãnh (số/ngày) của (tổ chức tín dụng) hoặc khoản bảo đảm đã nộp cho cơ quan hải quan theo (giấy nộp tiền số/ngày/tại Ngân hàng...)	
5.4	Số văn bản thông báo tạm dừng làm thủ tục hải quan số:... ngày... tháng... năm... của cơ quan hải quan (nếu có)	
5.5	Số chứng từ nộp phí	
Mẫu số 06	**Đơn đề nghị gia hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan**	
6.1	Người nộp đơn	- Tên: - Căn cước công dân/căn cước/hộ chiếu (nếu là cá nhân) - Địa chỉ: - Điện thoại: - Fax: - E-mail/Website:
6.2	Số/ngày Quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan	
6.3	Chứng thư bảo lãnh bổ sung (số/ngày) của (tổ chức tín dụng) hoặc khoản bảo đảm bổ sung đã nộp cho cơ quan hải quan theo (giấy nộp tiền số/ngày/tại Ngân hàng...)	

Phụ lục II

BIỂU MẪU VỀ KIỂM TRA, GIÁM SÁT, TẠM DỪNG LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(Kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA, GIÁM SÁT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Kính gửi:.....

Căn cứ quy định tại Điều 216, 217, 219 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14 và Luật số 07/2022/QH15;

Căn cứ quy định tại Điều 73, Điều 74 Luật Hải quan 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2020/TT-BTC, Thông tư số 06…/2026/TT-BTC;

Người ký tên dưới đây đề nghị cơ quan hải quan tiến hành các biện pháp kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ đối với lô hàng bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo các nội dung sau:

1. Người nộp đơn

- Tên*:*

- Căn cước công dân/căn cước/hộ chiếu (nếu là cá nhân)

- Địa chỉ*:*

- Điện thoại*:* Fax:

- E-mail/Website:

2. Chủ sở hữu quyền:

- Tên:

- Căn cước công dân/căn cước/hộ chiếu (nếu là cá nhân):

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax:

- E-mail/Website:

3. Quyền sở hữu trí tuệ có yêu cầu bảo vệ *(ghi rõ là: quyền tác giả/quyền liên quan đến quyền tác giả/nhãn hiệu/chỉ dẫn địa lý...)*:

- Tên văn bằng bảo hộ/Giấy chứng nhận:

- Số: Ngày cấp văn bằng bảo hộ/Giấy chứng nhận:

- Cơ quan cấp văn bằng bảo hộ/Giấy chứng nhận:

- Thời hạn có hiệu lực của văn bằng bảo hộ/Giấy chứng nhận:

4. Phạm vi yêu cầu bảo vệ *(ghi rõ là trong phạm vi toàn quốc hay tại đơn vị hải quan cụ thể):*

5. Danh mục hàng hóa có yêu cầu bảo vệ *(người nộp đơn tự xác định và cung cấp để hỗ trợ cho cơ quan hải quan trong quá trình phối hợp):*

- Tên hàng:

- Mã HS (8 số) :

6. Tài liệu gửi kèm *(Đánh dấu x vào loại giấy tờ nộp kèm):*

□ Văn bằng bảo hộ/Giấy chứng nhận

□ Mô tả chi tiết hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

□ Ảnh chụp

□ Các đặc điểm phân biệt hàng thật với hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

□ Danh sách tổ chức hoặc cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hợp pháp hàng hóa

□ Danh sách tổ chức hoặc cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu có khả năng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

□ Văn bản ủy quyền

7. Số chứng từ nộp phí

Họ tên, chữ ký của người nộp đơn và đóng dấu (nếu có)

Mẫu 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẠM DỪNG LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Kính gửi:.....

(Cơ quan hải quan nơi ra thông báo tạm dừng làm thủ tục hải quan)

Căn cứ quy định tại Điều 216, 217, 219 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14 và Luật số 07/2022/QH15;

Căn cứ quy định tại Điều 73, Điều 74 Luật Hải quan 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ văn bản (số/ngày) của (cơ quan hải quan) về việc chấp nhận bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và văn bản (số/ngày) gia hạn, sửa đổi, bổ sung (nếu có)

Trên cơ sở Chứng thư bảo lãnh (số/ngày) của (tổ chức tín dụng) hoặc khoản bảo đảm đã nộp cho cơ quan hải quan theo (giấy nộp tiền số/ngày/tại Ngân hàng...) và chứng từ nộp phí số…..

Người ký tên dưới đây yêu cầu cơ quan hải quan tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng theo... (thông báo số:... ngày... tháng... năm... của cơ quan hải quan)

Trường hợp xác định hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan là hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, chúng tôi đề nghị cơ quan hải quan tiến hành việc xử lý hành vi vi phạm đối với (người vi phạm) theo thẩm quyền quy định của pháp luật

Chúng tôi cam kết bồi thường thiệt hại và các chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật cho chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do việc đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan không đúng gây ra./.

Họ tên, chữ ký của người nộp đơn và đóng dấu (nếu có)

Mẫu 03

CHI CỤC HẢI QUAN…	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
ĐỘI HẢI QUAN.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	----------
Số: /QĐ-SHTT	*....., ngày……tháng……năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa

ĐỘI TRƯỞNG HẢI QUAN.....

Căn cứ quy định tại Điều 216, 217, 219 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14 và Luật số 07/2022/QH15;

Căn cứ quy định tại Điều 73, Điều 74 Luật Hải quan 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2020/TT-BTC, Thông tư số 06/2026/TT-BTC;

Theo đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan số:.... ngày..... do..... nộp.

Xét đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng:..... thuộc tờ khai hải quan số:.... ngày:..... tại..... của..... địa chỉ:..... theo đề nghị của:..... địa chỉ:.....

Lý do tạm dừng: Lô hàng có dấu hiệu nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với.....

Điều 2. Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu..., người nộp đơn tạm dừng, chủ hàng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban GSQL;
- Chi cục Điều tra CBL (để biết);
- Chi cục HQ..... (để báo cáo);
- Lưu: VT,....(...b).

ĐỘI TRƯỞNG

Mẫu 04

CHI CỤC HẢI QUAN… **ĐỘI HẢI QUAN.....** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /QĐ-SHTT	*....., ngày……tháng……năm……*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn thời gian tạm dừng làm thủ tục hải quan

ĐỘI TRƯỞNG HẢI QUAN.....

Căn cứ quy định tại Điều 216, 217, 219 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14 và Luật số 07/2022/QH15;

Căn cứ quy định tại Điều 73, Điều 74 Luật Hải quan 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2020/TT-BTC, Thông tư số 06/2026/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của..... về việc tạm dừng làm thủ tục hải quan;

Theo văn bản đề nghị gia hạn thời gian tạm dừng làm thủ tục hải quan số:... ngày..... do..... nộp;

Xét đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Gia hạn thời gian tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng:..... thuộc tờ khai hải quan số:..... ngày:..... tại..... của..... địa chỉ:..... theo đề nghị của:..... địa chỉ:.....

Điều 2. Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan là... ngày làm việc, được tính từ ngày kế tiếp ngay sau ngày Quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan số..... ngày:..... hết hạn.

Điều 3. Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu..., người nộp đơn tạm dừng, chủ hàng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban GSQL;
- Chi cục Điều tra CBL (để biết);
- Chi cục HQ..... (để báo cáo);
- Lưu: VT,....(...b).

ĐỘI TRƯỞNG

Mẫu 05

CHI CỤC HẢI QUAN… **ĐỘI HẢI QUAN.....** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /QĐ-SHTT	*....., ngày……tháng……năm……*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tiếp tục làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa

ĐỘI TRƯỞNG HẢI QUAN.....

Căn cứ quy định tại Điều 216, 217, 219 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14 và Luật số 07/2022/QH15;

Căn cứ quy định tại Điều 73, Điều 74 Luật Hải quan 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2020/TT-BTC, Thông tư số 06/2026/TT-BTC;

Xét đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiếp tục làm thủ tục hải quan với lô hàng thuộc tờ khai hải quan số:..... ngày.../.../..... của Công ty:..... địa chỉ..... đã bị tạm dừng làm thủ tục hải quan theo Quyết định số..... của Đội trưởng Hải quan.....

Lý do:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu..., người nộp đơn tạm dừng, chủ hàng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban GSQL;
- Chi cục Điều tra CBL (để biết);
- Chi cục HQ..... (để báo cáo);
- Lưu: VT,....(...b).

ĐỘI TRƯỞNG

Mẫu 06

CHI CỤC HẢI QUAN… **ĐỘI HẢI QUAN.....** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /TB-SHTT	*....., ngày……tháng……năm……*

THÔNG BÁO

Về việc tạm dừng làm thủ tục hải quan

Căn cứ quy định tại Điều 216, 217, 219 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14 và Luật số 07/2022/QH15;

Căn cứ quy định tại Điều 73, Điều 74 Luật Hải quan 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2020/TT-BTC, Thông tư số 06/2026/TT-BTC;

Căn cứ văn bản (số/ngày) của (cơ quan hải quan) về việc chấp nhận bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (số/ngày) do (tên của người nộp đơn)

Trong quá trình làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan đã phát hiện lô hàng có dấu hiệu nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với các thông tin sau:

1	Số tờ khai hải quan	
2	Tên hàng	
3	Số lượng	
4	Trị giá	
5	Xuất xứ	
6	Người nhập khẩu	
7	Người xuất khẩu	
8	Số invoice	

Dấu hiệu nghi ngờ lô hàng nêu trên xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ:

Trong thời gian ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, yêu cầu.... (người nộp đơn).... tiến hành thủ tục tạm dừng làm thủ tục hải quan theo đúng quy định của pháp luật. Thông tin gửi cơ quan hải quan:

Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu:.....

Địa chỉ/số điện thoại liên lạc:.....

Số tài khoản:..... Ngân hàng:.....

Nơi nhận:
- Công ty.....;
- Ban GSQL;
- Chi cục Điều tra CBL (để báo cáo);
- Chi cục HQ..... (để báo cáo);
- Lưu: VT, ...(...b).

ĐỘI TRƯỞNG

Mẫu 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẬP NHẬT, BỔ SUNG HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Kính gửi:.....

Căn cứ quy định tại Điều 216, 217, 219 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14 và Luật số 07/2022/QH15;

Căn cứ quy định tại Điều 73, Điều 74 Luật Hải quan 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ văn bản (số/ngày) của (cơ quan hải quan) về việc chấp nhận bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và văn bản (số/ngày) gia hạn, sửa đổi, bổ sung (nếu có)

…(Người nộp đơn)… đề nghị cơ quan hải quan thay đổi/bổ sung hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo tài liệu gửi kèm như sau *(Đánh dấu x vào loại giấy tờ nộp kèm):*

□ Thông tin Đơn đề nghị

□ Văn bằng bảo hộ/Giấy chứng nhận

□ Mô tả chi tiết hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

□ Ảnh chụp

□ Các đặc điểm phân biệt hàng thật với hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

□ Danh sách tổ chức hoặc cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hợp pháp hàng hóa

□ Danh sách tổ chức hoặc cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu có khả năng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

□ Văn bản ủy quyền

□ Thông tin khác

Họ tên, chữ ký của người nộp đơn và đóng dấu (nếu có)

Mẫu 08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN KIỂM TRA, GIÁM SÁT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Kính gửi:.....

Căn cứ quy định tại Điều 216, 217, 219 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14 và Luật số 07/2022/QH15;

Căn cứ quy định tại Điều 73, Điều 74 Luật Hải quan 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ văn bản (số/ngày) của (cơ quan hải quan) về việc chấp nhận bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và văn bản (số/ngày) gia hạn, sửa đổi, bổ sung (nếu có)

…(Người nộp đơn)… đề nghị cơ quan hải quan gia hạn hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại văn bản (số/ngày) của (cơ quan hải quan).

□ Số chứng từ nộp phí:

Họ tên, chữ ký của người nộp đơn và đóng dấu (nếu có)

Mẫu 09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤM DỨT ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA, GIÁM SÁT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Kính gửi:.....

Căn cứ quy định tại Điều 216, 217, 219 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14 và Luật số 07/2022/QH15;

Căn cứ quy định tại Điều 73, Điều 74 Luật Hải quan 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ văn bản (số/ngày) của (cơ quan hải quan) về việc chấp nhận bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và văn bản (số/ngày) gia hạn, sửa đổi, bổ sung (nếu có)

…(Người nộp đơn)… đề nghị cơ quan hải quan chấm dứt áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hoá liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ tại văn bản (số/ngày) của (cơ quan hải quan)

Họ tên, chữ ký của người nộp đơn và đóng dấu (nếu có)

Mẫu 10

CHI CỤC HẢI QUAN…	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
ĐỘI HẢI QUAN.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	----------
Số: /QĐ-SHTT	*....., ngày…..tháng….. năm……*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa

ĐỘI TRƯỞNG HẢI QUAN.....

Căn cứ quy định tại Điều 216, 217, 219 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14 và Luật số 07/2022/QH15;

Căn cứ quy định tại Điều 73, Điều 74 Luật Hải quan 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2020/TT-BTC, Thông tư số 06/2026/TT-BTC;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng có dấu hiệu giả mạo về sở hữu trí tuệ với các thông tin sau:

1	Số tờ khai hải quan	
2	Tên hàng	
3	Số lượng	
4	Trị giá	
5	Xuất xứ	
6	Người nhập khẩu	
7	Người xuất khẩu	
8	Số invoice	

Lý do tạm dừng: Lô hàng có dấu hiệu nghi ngờ giả mạo về sở hữu trí tuệ đối với.....

Điều 2. Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan: (theo quy định tại Điều 10a Thông tư này).

Điều 3. Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu..., người nộp đơn tạm dừng, chủ hàng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các bên có liên quan….
- Ban GSQL;
- Chi cục Điều tra CBL (để biết);
- Chi cục HQ..... (để báo cáo);
- Lưu: VT,....(...b).

ĐỘI TRƯỞNG

Mẫu 11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN TẠM DỪNG LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Kính gửi:.....

(Cơ quan hải quan nơi ra thông báo tạm dừng làm thủ tục hải quan)

Căn cứ quy định tại Điều 216, 217, 219 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14 và Luật số 07/2022/QH15;

Căn cứ quy định tại Điều 73, Điều 74 Luật Hải quan 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số…. về việc tạm dừng làm thủ tục Hải quan của ……ngày…….

Trên cơ sở Chứng thư bảo lãnh (số/ngày) của (tổ chức tín dụng) hoặc khoản bảo đảm đã nộp cho cơ quan hải quan theo (giấy nộp tiền số/ngày/tại Ngân hàng...);

Người ký tên dưới đây yêu cầu cơ quan hải quan gia hạn thời gian tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng theo... (thông báo số:... ngày... tháng... năm... của cơ quan hải quan).

Trường hợp xác định hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan là hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, chúng tôi đề nghị cơ quan hải quan tiến hành việc xử lý hành vi vi phạm đối với (người vi phạm) theo thẩm quyền quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết bồi thường thiệt hại và các chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật cho chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do việc đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan không đúng gây ra./.

Họ tên, chữ ký của người nộp đơn và đóng dấu (nếu có)